**Đặc tả của use case Tạo lô hàng**

| Use case ID | 6.1 |
| --- | --- |
| Use case name | Tạo lô hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn tạo lô hàng |
| Actors | Người dùng |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng tạo lô hàng |
| Pre-conditions | * Thông tin hàng hoá cần tạo lô có trong hệ thống * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống |
| Post-conditions | * Lô hàng mới tạo được lưu trữ trong hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Nhập hàng” 2. Người dùng nhập tên sản phẩm lên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên sản phẩm 4. Người dùng chọn biểu tượng “+” 5. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã lô hàng, tên sản phẩm 6. Người dùng nhập số lượng nhập kho 7. Người dùng nhập hạn sử dụng 8. Người dùng nhập giá gốc 9. Người dùng nhập giá bán 10. Hệ thống hiển thị tổng giá trị lô hàng 11. Người dùng nhập ghi chú 12. Người dùng chọn “Xong” |
| Alternative flows | 2a. Người dùng chọn biểu tượng quét mã sản phẩm  2a1. Người dùng đưa mã sản phẩm vào khung quét |
| Exception flows | 3a. Nếu không có tên sản phẩm trong hệ thống, hệ thống hiển thị “Không tìm thấy tên sản phẩm” và kết thúc  11a. Nếu không có nhu cầu ghi chú thì bỏ qua bước 11 chuyển qua bước 12  12a. Nếu còn lô tiếp theo của sản phẩm đó, người dùng chọn “Lô tiếp theo” và quay lại bước ban đầu |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Sửa lô hàng**

| Use case ID | 6.2 |
| --- | --- |
| Use case name | Sửa lô hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn sửa lô hàng |
| Actors | Người dùng |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng sửa lô hàng |
| Pre-conditions | * Thông tin sản phẩm của lô hàng cần sửa có trong hệ thống * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống |
| Post-conditions | * Thông tin thay đổi của lô hàng được lưu trữ trong hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Nhập kho” 2. Người dùng nhập tên mặt hàng lên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị danh sách các lô hàng của mặt hàng đó 4. Người dùng vuốt mã lô hàng cần sửa sang phải 5. Người dùng chọn “Sửa” 6. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã lô hàng, tên mặt hàng 7. Người dùng sửa số lượng hàng nhập 8. Người dùng sửa hạn sử dụng 9. Người dùng sửa giá gốc 10. Người dùng sửa giá bán 11. Người dùng sửa ghi chú 12. Người dùng chọn “Xong” 13. Hệ thống lưu thay đổi 14. Người dùng chọn “Quay lại danh mục lô hàng” |
| Alternative flows | 2a. Người dùng chọn biểu tượng quét mã sản phẩm  2a1. Người dùng đưa mã sản phẩm vào khung quét  14a.Người dùng chọn "Quay lại trang tìm kiếm sản phẩm" |
| Exception flows | 3a. Nếu không có sản phẩm trong hệ thống, hệ thống hiển thị “Không tìm thấy tên sản phẩm” và kết thúc  8a. Nếu không sửa số lượng hàng nhập, người dùng bỏ qua bước 8 và chuyển tới bước 9  9a. Nếu không sửa hạn sử dụng, người dùng bỏ qua bước 9 và chuyển tới bước 1  10a. Nếu không sửa giá gốc, người dùng bỏ qua bước 10 và chuyển tới bước 11  11a. Nếu không sửa giá bán, người dùng bỏ qua bước 11 và chuyển tới bước 12  12a. Nếu không sửa ghi chú, người dùng bỏ qua bước 12 và chuyển tới bước 13  13a. Nếu hệ thống lưu không thành công thì hiển thị thông báo “Lỗi lưu thay đổi” |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Xoá lô hàng**

| Use case ID | 6.3 |
| --- | --- |
| Use case name | Xoá lô hàng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn xoá lô hàng |
| Actors | Người dùng |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng xoá lô hàng |
| Pre-conditions | * Lô hàng đã có trong hệ thống * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống |
| Post-conditions | * Lô hàng được xoá khỏi hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Hàng hoá” 2. Người dùng nhập tên sản phẩm lên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên sản phẩm 4. Người dùng vuốt tên sản phẩm sang phải 5. Người dùng chọn “Xoá” 6. Hệ thống hiển thị xác nhận “Bạn có muốn xoá lô hàng không?” 7. Người dùng chọn “Xác nhận” |
| Alternative flows | 2a. Người dùng chọn biểu tượng quét mã sản phẩm  2a1. Người dùng đưa mã sản phẩm vào khung quét |
| Exception flows | 7a. Nếu không muốn xoá nữa, người dùng chọn “Huỷ” và kết thúc |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |

**Đặc tả của use case Đổi trả hàng gần hết hạn sử dụng**

| Use case ID | 6.4 |
| --- | --- |
| Use case name | Đổi trả hàng gần hết hạn sử dụng |
| Description | Là người dùng, tôi muốn đổi trả hàng gần hết hạn sử dụng |
| Actors | Người dùng |
| Priority | High |
| Triggers | Người dùng chọn chức năng đổi trả hàng |
| Pre-conditions | * Thông tin hàng hoá cần tạo lô có trong hệ thống * Người dùng đăng nhập hệ thống thành công và vào được hệ thống |
| Post-conditions | * Lô hàng mới tạo được lưu trữ trong hệ thống |
| Main flow | 1. Người dùng chọn “Hàng hoá” 2. Người dùng nhập tên sản phẩm lên thanh tìm kiếm 3. Hệ thống hiển thị tên sản phẩm 4. Người dùng chọn biểu tượng “+” 5. Hệ thống hiển thị đồng thời: mã lô hàng, tên sản phẩm 6. Người dùng nhập hạn sử dụng 7. Người dùng nhập giá gốc 8. Người dùng nhập giá bán 9. Người dùng nhập số lượng hàng nhập 10. Hệ thống hiển thị tổng giá trị lô hàng 11. Người dùng nhập ghi chú 12. Người dùng chọn “Xong” |
| Alternative flows | 2a. Người dùng chọn biểu tượng quét mã sản phẩm  2a1. Người dùng đưa mã sản phẩm vào khung quét |
| Exception flows | 5a. Nếu không có tên sản phẩm trong hệ thống, hệ thống hiển thị “Không tìm thấy tên sản phẩm” và kết thúc  12a. Nếu còn lô tiếp theo của sản phẩm đó, người dùng chọn “Lô tiếp theo” và quay lại bước 5 |
| Business rules | N/A |
| Non-functional requirements | N/A |